TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 05 – 01 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Kim Thia - là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 05 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H.

Nơi cư trú: Xóm A, thôn H, xã H1, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Y và bà Đặng Thị N; Có vợ là Lê Thị Diệu L1 và 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/6/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "trộm cắp tài sản", đến ngày 09/9/2015 chấp hành xong hình phạt; bị bắt tạm giam ngày 18/8/2017 (có mặt).

2. Nguyễn Thành T.

Nơi cư trú: Ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ Y (bị cáo trong vụ án) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 18/8/2017 (có mặt).

3. Đỗ Thị L.

Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hoàng H và bà Lý Thị L; có chồng là Lê Thành T (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 18/8/2017 (có mặt).

4. Nguyễn Thị Mỹ Y.

Nơi cư trú: Ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M và bà Trương Thị M; có chồng là Nguyễn Thành T (bị cáo trong vụ án) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 22/8/2017 (có mặt).

Bị hại:

1. Ông Lê Văn T1 và bà Huỳnh Hồng N.

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Mai Hồng N1.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Ông Hà Văn T3, sinh năm 1953.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Ông Trần Văn T4 và bà Nguyễn Thị Ph.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

5. Ông Trần Minh C và bà Trần Thị T5.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số A, phố T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn L - Tổng giám đốc SHB.

Người đại diện theo ủy quyền của SHB:

- Ông Hồ Quốc B – Giám đốc Chi nhánh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: số B, QT, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Chi nhánh Cà Mau.

Địa chỉ: số C, khóm X, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

(văn bản ủy quyền số 291/UQ-TGĐ ngày 23/10/2017).

2. Chị Lê Thị Diệu L1.

Nơi cư trú: Xóm A, thôn H, xã H1, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

3. Chị Đỗ Thùy L2.

Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Nhân T.

Nơi cư trú: Ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

5. Anh Nguyễn Thái H1.

Nơi cư trú: Ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2017, Nguyễn Thành T biết Trần Văn H có lập một nhóm người đi bán dạo bếp điện từ và các vật dụng khác ở khu vực các tỉnh Miền Tây, nên T đã liên hệ với H cho tham gia đi bán cùng và được H đồng ý. Sau đó, T cùng với vợ là Nguyễn Thị Mỹ Y từ nhà ở ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai mang theo 02 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 70L8-4581 và 55Y7-7361 xuống thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để gặp H và Đỗ Thị L nhưng do trời mưa liên tục nên T và Y chưa tham gia đi bán cùng với nhóm của H được. Đến khoảng cuối tháng 7/2017, H, T, L, Y và những người trong nhóm của H đi đến tỉnh Bạc Liêu và thuê nhà trọ số 393 thuộc ấp 14, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu để ở. Trong thời gian ở cùng với H, mặc dù H chưa nói cách bán hàng như thế nào, nhưng H kêu T phô tô 01 mẫu hợp đồng thuê đất và 01 giấy mời hội thảo; T đã cắt ghép số điện thoại của T (0126.906.9606) và của L (0918.688.510) lên 02 loại giấy tờ trên và đến Nhà sách ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu mua 01 cuốn Phiếu thu tiền, 01 con dấu "Đã thu tiền", 01 bóng đèn tích điện và ổ cắm điện. Đến sáng ngày 04/8/2017, H và L rủ T và Y về địa bàn huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau chơi, đồng thời cũng tìm cách bán hàng. Khi đi, H điều khiển xe ô tô hiệu Mitsubishi Pajero Sport, biển số 76A-060.70 chở L và 10 cái bếp điện từ hiệu KOSHUDO TECHNOLOGY OF JAPAN, 01 điện thoại di động hiệu Iphone S (do Đài Loan xản xuất); T và Y điều khiển 02 chiếc xe mô tô trên về thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; H và L đến thuê phòng tại nhà trọ T thuộc ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt; T và Y thuê phòng tại khách sạn K thuộc khóm VI, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi để ở.

Sáng ngày 05/8/2017, T và Y đi đến nhà trọ T gặp H và L. Trong lúc uống nước tại quán cà phê ngang nhà trọ, H đề xuất cả nhóm cùng nhau đi đến các xã trong huyện tiến hành lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân. Cách thức thực hiện và nhiệm vụ cụ thể của từng người được H phân công như sau: H điều khiển xe ô tô chở T, L và Y đến các hộ dân giới thiệu là nhân viên của *"Trung tâm năng lượng mặt trời tiêu điểm công nghệ thương mại quốc tế Ewords"*, có trụ sở đặt tại Trung tâm Thương mại Quốc tế IBC – số 34, đường Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đến hỏi thuê đất kích thước 02m x 2,5m để lắp đặt trụ phát sóng năng lượng mặt trời, với giá 4.000.000 đồng/tháng. Nếu người dân đồng ý, T tiếp tục đưa ra hình thức khác là sẽ thuê trong thời gian 05 năm với giá 240.000.000 đồng, người dân sẽ được nhận tiền một lần và nhận một phần quà là tivi, tủ lạnh, điện thoại… nhưng phải chấp nhận một số điều

kiện, trong đó có phải chấp nhận đưa tiền để bảo lưu một sản phẩm mà T, L, Y giới thiệu là máy năng lượng mặt trời (thực chất là bếp điện từ hiệu KOSHUDO TECHNOLOGY OF JAPAN) với giá 11.990.000 đồng. Khi người dân có nghi ngờ thì T dùng bóng đèn tích điện đã chuẩn bị sẵn để thử vào bếp điện từ trên cho bóng đèn phát sáng, sau đó dùng điện thoại di động gọi cho H đang đợi ngoài xe xưng là "Sếp" để nói chuyện, nhằm củng cố niềm tin của người dân để chiếm đoạt số tiền 11.990.000 đồng.

Sau khi thống nhất cách thức thực hiện, từ ngày 05/8/2017 đến ngày 10/8/2017, H, T, L và Y đã tiến hành lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người dân trên địa bàn huyện Đầm Dơi, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Ngày 05/8/2017, H điều khiển xe ô tô chở T, L và Y đến nhà ông Lê Văn T1 ở ấp B, xã T gặp ông T1 và vợ là bà Huỳnh Hồng N. Với cách thức thực hiện như đã bàn tính trước, H, T, L và Y đã thuyết phục được ông T1, bà N chọn hình thức nhận tiền thuê đất một lần với giá 240.000.000 đồng/05 năm và một phần quà, đồng thời nộp lại số tiền 11.990.000 đồng để bảo lưu sản phẩm mà theo T, L và Y là máy năng lượng mặt trời (thực chất là bếp điện từ). T viết đưa cho ông T1 01 phiếu thu ghi số tiền 11.900.000 đồng kèm theo quà tặng, 01 giấy mời hội thảo ghi mời ông T1 đến Hội trường huyện vào ngày 06/8/2017 và 01 bếp điện từ để nhận của ông T1, bà N 12.000.000 đồng. Sau đó tất cả lên xe về nhà trọ T ở ấp Tân Điền, xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi để chia tiền chiếm đoạt được. Sau khi trừ các chi phí cho H gồm tiền xe 1.000.000 đồng, tiền bếp điện từ 1.100.000 đồng, còn lại được chia đều cho T và Y một phần, H và L một phần, mỗi phần là 4.950.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Ngày 06/8/2017, H điều khiển xe ô tô chở T và Y đến nhà bà Mai Hồng N1 ở ấp Đ, xã T. Khi gặp bà N1 và chồng là ông Nguyễn Văn T2, với cách thức như trên, H, T và Y cũng đã thuyết phục được bà N1 và ông T2 chọn hình thức nhận tiền thuê đất một lần với giá 240.000.000 đồng/05 năm và một phần quà, đồng thời nộp lại số tiền 11.990.000 đồng để bảo lưu sản phẩm mà theo T và Y là máy năng lượng mặt trời (thực chất là bếp điện từ). Do không có đủ tiền mặt, nên bà N1 và ông T2 đã đưa cho T 4.800.000 đồng và sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 24k; T đưa cho bà N1 01 phiếu thu ghi số tiền 11.900.000 đồng kèm theo quà tặng, 01 giấy mời hội thảo ghi mời ông Nguyễn Văn T2 đến Hội trường huyện vào ngày 07/8/2017 và 01 bếp điện từ trên, sau đó tất cả lên xe về nhà trọ T. Sau đó, L và Y điều khiển xe máy biển số 55Y7-7361 của Y đến tiệm vàng D ở khóm IV, thị trấn Đầm Dơi bán sợi dây chuyền trên được khoảng 6.000.000 đồng cùng với số tiền mặt là 4.800.000 đồng, được chia như sau: Sau khi trừ các chi phí cho H gồm tiền xe 1.000.000 đồng, tiền bếp điện từ 1.100.000 đồng, T và Y được chia 4.500.000 đồng, H và L được 4.200.000 đồng.

- Vụ thứ ba: Ngày 07/8/2017, H điều khiển xe ô tô chở T, L và Y đến nhà ông Hà Văn T3 ở ấp C, xã T1. Cũng với cách thức như trên, H, T, L và Y đã thuyết phục được ông T3 chọn hình thức nhận tiền thuê đất một lần với giá 240.000.000 đồng/05 năm và một phần quà, đồng thời nộp lại số tiền 11.990.000 đồng để bảo lưu sản phẩm mà theo T, L và Y là máy năng lượng mặt trời (thực

chất là bếp điện từ). T đưa cho ông T3 01 phiếu thu ghi số tiền 11.900.000 đồng kèm theo quà tặng Tivi, 01 giấy mời hội thảo ghi mời ông T3 đến Hội trường huyện vào ngày 08/8/2017, 01 bếp điện từ và 01 điện thoại di động hiệu Iphone S (do Đài Loan xản xuất) mà ông T3 chọn làm quà tặng để nhận từ ông T3 12.000.000 đồng. Sau đó tất cả lên xe về nhà trọ T để chia tiền chiếm đoạt được. Sau khi trừ các chi phí cho H gồm tiền xe 1.000.000 đồng, tiền bếp điện từ 1.100.000 đồng, tiền điện thoại di động 2.600.000 đồng, còn lại được đều cho T và Y một phần, H và L một phần.

- Vụ thứ tư: Ngày 08/8/2017, H điều khiển xe ô tô chở T, L và Y đến nhà ông Trần Văn T4 ở ấp T, xã T2. Sau khi gặp ông T4 và vợ là bà Nguyễn Thị P, cũng với cách thức như trên, H, T, L và Y đã thuyết phục được ông T4, bà P chọn hình thức nhận tiền thuê đất một lần với giá 240.000.000 đồng/05 năm và một phần quà, đồng thời nộp lại số tiền 11.990.000 đồng để bảo lưu sản phẩm mà theo T, L và Y là máy năng lượng mặt trời (thực chất là bếp điện từ). Do không có đủ tiền mặt, ông T4 và bà P đã đưa cho T, L và Y 1.800.000 đồng và 02 chiếc nhẫn trọng lượng 03 chỉ vàng 24k; T đưa cho ông T4, bà P 01 phiếu thu ghi số tiền nộp đủ kèm theo quà tặng, 01 giấy mời hội thảo ghi mời ông T4 đến Hội trường huyện vào ngày 09/8/2017 và 01 bếp điện từ, sau đó tất cả lên xe về nhà trọ T. Trên đường về, L và Y ghé vào tiệm vàng Quang Sơn ở khóm IV, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi bán số vàng chiếm đoạt của ông T4 được 10.080.000 đồng, về cùng với số tiền mặt là 1.800.000 đồng được chia như sau: Sau khi trừ các chi phí cho H gồm tiền xe 1.000.000 đồng, tiền bếp điện từ 1.100.000 đồng, tiền dầu 700.000 đồng, còn lại được đều cho T và Y một phần, H và L một phần.

- Vụ thứ năm: Ngày 10/8/2017, H điều khiển xe ô tô chở T và L đến nhà bà Trần Thị T5 ở ấp T, xã T2. Sau khi gặp bà T5 và chồng là ông Trần Minh C, cũng với cách thức như trên, H, T và L đã thuyết phục được bà T5, ông C chọn hình thức nhận tiền thuê đất một lần với giá 240.000.000 đồng/05 năm và một phần quà, đồng thời nộp số tiền 11.990.000 đồng để bảo lưu sản phẩm mà theo T và L là máy năng lượng mặt trời (thực chất là bếp điện từ). Do không có đủ tiền mặt, bà T5 và ông C đã đưa cho T số tiền là 3.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn trong lượng 02 chỉ vàng 24k; T đưa cho bà T5, ông C 01 phiếu thu ghi nộp đủ tiền kèm theo quà tặng, 01 giấy mời hội thảo ghi mời ông C đến Hội trường huyện vào ngày 11/8/2017 và 01 bếp điện từ. Sau đó tất cả lên xe ô tô chạy về nhà của L ở ấp X, xã T. Tại đây, L đã bán chiếc nhẫn trên cho Đỗ Thùy L2 là chị ruột của L ở cùng địa phương với giá 6.600.000 đồng, cộng với số tiền mặt là 3.000.000 đồng, được chia như sau: Sau khi trừ các chi phí cho H gồm tiền xe 1.000.000 đồng, tiền bếp điện từ 1.100.000 đồng và chi phí khác thì T được chia 3.000.000 đồng; H và L được 4.000.000 đồng.

Đến ngày 11/8/2017, H, T và L sang địa bàn huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau định tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên thì bị Công an huyện Thới Bình phát hiện mời T và L làm việc. Sau đó Công an huyện Thới Bình chuyển toàn bộ hồ sơ về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi điều tra theo thẩm quyền, sau đó Cơ quan điều tra Công an huyện

Đầm Dơi bắt tiếp được H và Y. Qua quá trình làm việc, H, T, L và Y đều thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như trên.

Tại phiên tòa các bị cáo T, L và Y đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Đối với bị cáo H khai nhận, sau khi chở các bị cáo T, L và Y đi thực hiện hành vi lừa đảo vào ngày 05/8/2017, sau đó được T nói lại thì mới biết và đã tham gia thực hiện hành vi phạm tội từ ngày 06, 07, 08 và 10/8/2017; bị cáo không phải là người chủ mưu, đề xuất mà do T là người trực tiếp rủ bị cáo cùng với L và Y thực hiện.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 16/KL-ĐG ngày 08/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đầm Dơi kết luận số tài sản mà Trần Văn H, Nguyễn Thành T, Đỗ Thị L và Nguyễn Thị Mỹ Y đã chiếm đoạt như sau:

- 01 sợi dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ (của bà Mai Hồng N) = 7.240.000 đồng, tiền công 150.000 đồng.

- 02 chiếc nhẫn vàng 24k, tổng trọng lượng 03 chỉ (của Trần Văn T1) = 10.860.000 đồng.

- 01 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ (của bà Trần Thị T2) = 7.240.000 đồng.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 20/KL-ĐG ngày 06/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đầm Dơi kết luận số hiện vật mà Trần Văn H, Nguyễn Thành T, Đỗ Thị L và Nguyễn Thị Mỹ Y sử dụng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị như sau:

- Bếp điện từ hiệu KOSHUDO TECHNOLOGY OF JAPAN (mới 100%) = 1.000.000 đồng x 05 cái = 5.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu IPHONE S (Loại hàng xách tay, do Đài Loan sản xuất, chưa sử dụng) = 1.200.000 đồng.

Như vậy, đối trừ giá trị các tài sản đã đưa cho các bị hại, thì tổng số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 52.890.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt của các bị hại gồm: Ông Lê Văn T1 và bà Huỳnh Hồng N: 11.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T2 và bà Mai Hồng N2: 11.190.000 đồng; ông Hà Văn T3: 9.800.000 đồng; ông Trần Văn T4 và bà Nguyễn Thị P: 11.660.000 đồng; ông Trần Văn C và bà Trần Thị T5: 9.240.000 đồng (bị cáo Y không tham gia chiếm đoạt số tiền của ông C, bà T5).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận về định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi.

Bản Cáo trạng số: 35/KSĐT–KT ngày 16 – 11 – 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã truy tố Trần Văn H, Nguyễn Thành T và Đỗ Thị L về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự; Nguyễn Thị Mỹ Y đã phạm vào tội

"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Các bị hại yêu cầu:

- Ông Lê Văn T1 và bà Huỳnh Hồng N: Yêu cầu các bị cáo trả lại 12.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T2 và bà Mai Hồng N1: Yêu cầu các bị cáo trả lại giá trị 02 chỉ vàng 24k theo định giá là 7.390.000 đồng và số tiền mặt 4.800.000 đồng, tổng cộng bằng 12.190.000 đồng.

- Ông Hà Văn T3: Yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 12.000.000 đồng.

- Ông Trần Văn T4 và bà Nguyễn Thị P: Yêu cầu các bị cáo trả lại giá trị 03 chỉ vàng 24k theo định giá là 10.860.000 đồng và số tiền mặt 1.800.000 đồng, tổng cộng bằng 12.660.000 đồng.

- Ông Trần Minh C và bà Trần Thị T5: Yêu cầu nhận lại 02 chỉ vàng 24k mà Cơ quan điều tra đã thu giữ từ chị Đỗ Thùy L2. Số tiền còn lại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu:

- Đại diện Ngân hàng S yêu cầu: Xe ô tô biển kiểm soát 76A-060.70 Trần Văn H cùng vợ là Lê Thị Diệu L1 đã thế chấp vay số tiền 700.000.000 đồng tại Ngân hàng S – chi nhánh Quảng Ngãi. Quá trình thực hiện trả được tiền gốc và lãi được 02 kỳ, trong đó có trả vốn được 14.580.000 đồng và còn thiếu lại 685.420.000 đồng. Tính đến thời điểm này còn thiếu vốn và lãi là 712.563.956 đồng. Đại diện Ngân hàng yêu cầu Hội đồng xét xử không tịch thu chiếc xe mà trả lại cho ông H và bà Lê Thị Diệu L1 để đảm bảo quyền lợi của ngân hàng về tài sản thế chấp đối với khoản tiền vay nêu trên. Việc thỏa thuận thanh toán hoặc xử lý tài sản thế chấp sẽ do Ngân hàng với ông H và bà L1 thực hiện sau.

- Chị Lê Thị Diệu L1: Đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng và xin được nhận lại chiếc xe để cùng bị cáo H thực hiện nghĩa vụ khoản vay của Ngân hàng S – chi nhánh Quảng Ngãi. Đối với số tiền 3.000.000 đồng nộp khắc phục đồng ý để thực hiện nghĩa vụ bồi thường của bị cáo H cho người bị hại và không yêu cầu nhận lại.

- Chị Đỗ Thùy L2: Không có ý kiến gì đối với 02 chỉ vàng 24k đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đối với 6.600.000 đồng mua 02 chỉ vàng không yêu cầu các bị cáo trả lại.

- Chị Nguyễn Thị Nhân T: Chiếc xe máy biển số 55Y7-7361 là tài sản của bị cáo Y gửi nên đem giao nộp và không có ý kiến gì khác.

- Anh Nguyễn Thái H1: Đồng ý dùng số tiền 20.000.000 đồng đã nộp để khắc phục cho bị cáo T và bị cáo Y và không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, mặc dù bị cáo H không thừa nhận là người chủ mưu, đề xuất nhưng qua đối chiếu các tài liệu,

chứng cứ đã thu thập được và lời khai nhận của các bị cáo còn lại có đủ cơ sở khẳng định đã chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Do bị cáo Y không tham gia chiếm đoạt tài sản của ông C, bà T5 nên hành vi của các bị cáo H, L và T liên đới chịu trách nhiệm hình sự đối với tài sản đã chiếm đoạt là: 52.890.000 đồng, còn hành vi của bị cáo Y phải liên đới chịu trách nhiệm hình sự đối với giá trị tài sản chiếm đoạt là: 43.650.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thành T, Đỗ Thị L và Nguyễn Thị Mỹ Y về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thành T, Đỗ Thị L và Nguyễn Thị Mỹ Y phạm tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

- Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 139; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Trần Văn H mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đỗ Thị L mức hình phạt từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt Nguyễn Thị Mỹ Y mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng từ.

2. Về dân sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999: Buộc Trần Văn H, Nguyễn Thành T, Đỗ Thị L và Nguyễn Thị Mỹ Y liên đới bồi thường số tiền chiếm đoạt của các bị hại, cụ thể như sau:

+ Tài sản của ông Lê Văn T1 là 12.000.000 đồng được chia: H, T, L và Y mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000 đồng.

+ Tài sản của bà Mai Hồng N là 12.190.000 đồng được chia: H, T, L và Y mỗi bị cáo phải bồi thường 3.047.500 đồng.

+ Tài sản của ông Hà Văn T3 là 12.000.000 đồng được chia: H, T, L và Y mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000 đồng.

+ Tài sản của ông Trần Văn T4 là 12.660.000 đồng được chia: H, T, L và Y mỗi bị cáo phải bồi thường 3.165.000 đồng.

+ Tài sản của Trần Thị T5 là 3.000.000 đồng: Bà T5 đồng ý theo yêu cầu của bị cáo H và bị cáo T. Buộc mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà T5 1.500.000 đồng.

Như vậy, bị cáo H và bị cáo T mỗi bị cáo phải bồi thường là: 13.712.500 đồng và bị cáo L và Y mỗi bị cáo phải bồi thường 12.212.500 đồng.

Sau khi đối trừ trách nhiệm bồi thường của bị cáo Y đối với số tiền nộp khắc phục 20.000.000 đồng của anh Nguyễn Thái H1 thì số tiền còn lại 7.787.500 đồng được tiếp tục đối trừ với trách nhiệm bồi thường của bị cáo T. Như vậy bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường 5.925.000 đồng.

Đối với trách nhiệm bồi thường của bị cáo H, đối trừ với số tiền mà chị Lê Thị Diệu L1 đã nộp khắc phục 3.000.000 đồng thì bị cáo H còn phải tiếp tục bồi thường 10.712.500 đồng.

3. Vật chứng

- Trả lại cho các bị cáo các vật chứng là các giấy tờ tùy thân, tài sản cá nhân không liên quan đến vụ án, cụ thể:

+ Trần Văn H: 01 Chứng minh nhân dân và 7.156.000 đồng nhưng tiếp tục duy trì số tiền này để đảm bảo thi hành án.

+ Nguyễn Thành T: 01 chiếc xe mô tô, hiệu Wave "alpha" màu xanh, biển số 70L8-4581 cùng Giấy đăng ký xe mô tô tên Lê Thanh H; 01 Chứng minh nhân dân; 01 Giấy phép lái xe hạng A1; 01 thẻ Bảo hiểm y tế và 4.360.000 đồng nhưng tiếp tục duy trì số tiền này để đảm bảo thi hành án.

+ Đỗ Thị L: 01 Chứng minh nhân dân và 1.000.000 đồng nhưng tiếp tục duy trì số tiền để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 05 bếp điện từ màu đen, phía trên mặt có dòng chữ KOSHUDO TECHNOLOGY OF JAPAN và dây điện;

+ 01 điện thoại di động, mặt lưng có dòng chữ Iphone S, kèm theo sạc, tai nghe (không khởi động được);

+ 01 điện thoại di động màu đen hiệu TK mobile (đã qua sử dụng), kèm theo sim điện thoại (của Trần Văn H)

+ 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu HUAWEL CEO 197 màu vàng nhạt, đã qua sử dụng, 01 sim số 0918.688.510 (của Đỗ Thị L);

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen, bạc đã qua sử dụng (của Nguyễn Thành T);

+ 01 xe mô tô hiệu SYMEN (MAX) màu nâu, biển số 55Y7-7361 (đã qua sử dụng) cùng Giấy đăng ký xe mô tô tên Hồ Đăng S- biển số xe 55Y7-7361 (của Nguyễn Thị Mỹ Y);

+ 01 bóng đèn màu trắng, đặt điểm tương tự như bóng đèn tích điện (đã qua sử dụng); 01 ổ ghim điện màu trắng, hình tròn, bên ngoài có công tắc màu đỏ; 08 sợ dây điện màu đen dùng để ghim vào bếp từ.

- Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự:

+ Trả lại cho bà Trần Thị T5 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24k do Đỗ Thùy L2 giao nộp.

+ Trả lại chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi, biển số 76A-060.70 do Trần Văn H đứng tên chủ sở hữu, kèm theo giấy đăng ký, chìa khóa, Giấy chứng nhận kiểm định và hồ sơ xe ô tô 76A-060.70 cho bà Lê Thị Diệu L1, do bà L1 là đồng sở hữu và không có lỗi trong hành vi phạm tội của H.

Đối với việc Đại diện Ngân hàng S là ông Hồ Quốc B yêu cầu thu hồi nợ trước thời hạn và xử lý tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi, biển số 76A-060.70 do bị cáo H và bà L1 vi phạm hợp đồng. Xét thấy đây là giao dịch dân sự được thực hiện trước khi vụ án xảy ra. Do đó cần tách ra để Ngân hàng S và bà Lê Thị Diệu L1 và bị cáo H tự thỏa thuận hoặc khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác là phù hợp.

Các bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý trách nhiệm hình sự của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào sáng ngày 05/8/2017, trong lúc uống nước tại quán cà phê ngang nhà trọ T, bị cáo H đề xuất đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân với cách thức và nhiệm vụ cụ thể được H phân công như sau: H điều khiển xe ô tô chở T, L và Y giới thiệu là nhân viên của *"Trung tâm năng lượng mặt trời tiêu điểm công nghệ thương mại quốc tế Ewords"*, đến thuê diện tích đất kích thước 02m x 2,5m để lắp đặt trụ phát sóng năng lượng mặt trời, với giá 4.000.000 đồng/tháng. Khi người dân đồng ý cho thuê thì T tiếp tục đưa ra hình thức khác là trả tiền thuê một lần trong thời gian 05 năm là 240.000.000 đồng và được nhận một phần quà là tivi hoặc tủ lạnh, điện thoại… nhưng phải đáp ứng một số điều kiện, trong đó phải đưa tiền bảo lưu một sản phẩm được giới thiệu là máy năng lượng mặt trời (thực chất là bếp điện từ hiệu KOSHUDO TECHNOLOGY OF JAPAN) với giá 11.990.000 đồng. Khi người dân có nghi ngờ thì T dùng bóng đèn tích điện thử vào bếp điện từ cho bóng đèn phát sáng và dùng điện thoại gọi cho H đang ở ngoài xe xưng là "Sếp" nói chuyện để củng cố niềm tin nhằm chiếm đoạt số tiền 11.990.000 đồng.

Sau khi thống nhất cách thức thực hiện và nhiệm vụ cụ thể của từng bị cáo, từ ngày 05/8/2017 đến ngày 10/8/2017, các bị cáo đã đưa 01 bếp từ cho người bị hại để chiếm đoạt tài sản của họ. Theo đó, vào ngày 05/8/2017, đã chiếm đoạt của ông Lê Văn T1, bà Huỳnh Hồng N ở ấp B, xã T số tiền 12.000.000 đồng; ngày 06/8/2017, đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T2, bà Mai Hồng N1 ở ấp Đ, xã T số tiền 4.800.000 đồng và sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24k; ngày 07/8/2017, đã chiếm đoạt của ông Hà Văn T3 ở ấp C, xã T1 số tiền 12.000.000 đồng (các bị cáo còn đưa cho ông T3 01 chiếc điện thoại, ốp lưng có dòng chữ Iphone6); ngày 08/8/2017, đã chiếm đoạt của ông Trần Văn T4, bà Nguyễn Thị P ở ấp T, xã T2 số tiền 1.800.000 đồng và 02 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24k và ngày 10/8/2017 (bị cáo Y không tham gia) đã chiếm đoạt của ông Trần Minh C, bà Trần Thị T5 ở ấp T, xã T2 số tiền là 3.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H không thừa nhận là người chủ mưu, đề xuất như nội dung bản cáo trạng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Đối với hành vi lừa đảo thực hiện vào ngày 05/8/2017 quá trình điều tra bị cáo xác định không biết các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo mà chỉ thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội cùng các bị cáo khác vào các ngày 06, 07, 08 và 10/8/2017. Qua diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo cũng thường xuyên thay đổi lời khai, sau đó đã thừa nhận có tham gia cùng các bị cáo thực hiện lừa đảo vào ngày 05/8/2017.

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận trước khi bị cáo T liên hệ và được bị cáo đồng ý cho đi tham gia bán hàng thì bị cáo đã lập một nhóm người đi bán dạo bếp điện từ và các vật dụng khác ở khu vực các tỉnh Miền Tây nên đến sáng ngày 04/8/2017, bị cáo H và L rủ bị cáo T và Y về huyện Đ, tỉnh Cà Mau (quê của bị cáo L) chơi, đồng thời cũng tìm cách bán hàng.

Ngoài ra, tại biên bản hỏi cung bị can ngày 09/11/2017 (bút lục 633) thì bị cáo H khai *"trước khi gặp T và Y tại tỉnh Vĩnh Long thì một số người trong nhóm bán hàng của bị can có thực hiện hành vi tương tự trên địa bàn tỉnh An Giang và chỉ bị phạt hành chính. Sau đó kể lại cho bị can mới biết"*.

Từ đó cho thấy, hành vi giả làm nhân viên*"Trung tâm năng lượng mặt trời tiêu điểm công nghệ thương mại quốc tế Ewords"* là do bị cáo H đã biết trước nên mới rủ các bị cáo khác và dùng xe ô tô của bị cáo đã mua trả góp để thực hiện hành vi lừa đảo trên địa bàn Đầm Dơi. Các căn cứ này đã phù hợp với lời khai của các bị cáo T, L và Y nên có đủ cơ sở xác định bị cáo H là người chủ mưu, đề xuất và cùng phạm tội với các bị cáo khác vào các ngày 05, 06, 07, 08 và 10/8/2017.

Qua định giá tài sản, đối trừ giá trị tài sản các bị cáo đã đưa cho người bị hại thì tổng giá trị tài sản các bị cáo H, T và L chiếm đoạt của ông T1, bà N; của ông T2, bà N1; của ông T2; của ông T3, bà P và ông C, bà T5 là: 52.890.000 đồng. Bị cáo Y không tham gia lừa đảo tài sản của ông C, bà T5 nên giá trị tài sản bị cáo Y chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền chiếm đoạt của các bị hại còn lại là: 43.650.000 đồng.

Như vậy, các bị cáo H, T, L và Y đã có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch để thực hiện một tội phạm, có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Mặt khác, với giá trị tài sản chiếm đoạt của các bị hại là 52.890.000 đồng thì các bị cáo H, T và L còn phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố các bị cáo: Trần Văn H, Nguyễn Thành T và Đỗ Thị L phạm tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và bị cáo Nguyễn Thị Mỹ Y phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm và vai trò đồng phạm của từng bị cáo thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã lợi dụng sự nhận thức còn hạn chế về công nghệ, năng lượng, sự nhẹ dạ, cả tin của một bộ phận người dân nông thôn, các bị cáo đã sử dụng phương tiện đi lại là ô tô nhằm tạo niềm tin, lừa đảo chiếm đoạt tiền, tài sản của người bị hại để thỏa mãn việc chi sài cá nhân. Trước, trong và sau khi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn bất chấp, cùng nhau thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Xét về vai trò đồng phạm của từng bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo H là người chủ mưu, đề xuất thực hiện tội phạm, ngoài các lần phạm tội này bị cáo còn bị xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội *"trộm cắp tài sản"*. Đối với các bị cáo T: Mặc dù không phải chủ mưu, cầm đầu nhưng bị cáo là người chuẩn bị công cụ là bóng đèn, ổ ghim điện, các hợp đồng, phiếu mời hội thảo, phiếu thu tiền… và cũng rất tích cực trong quá trình phạm tội. Đối với bị cáo L và bị cáo Y: Cũng là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng vai trò của bị cáo L có cao hơn so với vai trò của bị cáo Y.

Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo và phải cách ly khỏi đời sống xã hội có thời hạn để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời cũng là để cảnh tỉnh, cảnh báo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Song, xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo (mức độ thành khẩn khai báo của bị cáo H không nhiều), bị cáo H được chị L1 (vợ bị cáo) nộp khắc phục số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo T và bị

cáo Y đã gián tiếp tác động đến anh H1 (anh ruột bị cáo T) nộp khắc phục số tiền 20.000.000 đồng nên cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng theo quy định của Bộ luật Hình sự. Trong đó bị cáo H được hưởng tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, bị cáo T và bị cáo Y được hưởng tình tiết quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 và bị cáo L được hưởng tình tiết quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngoài ra, trong vụ án này bị cáo T, bị cáo Y là vợ chồng (cùng bị tạm giam), có 01 con sinh năm 2012 còn bị cáo L có chồng nhưng đã ly thân và cũng có 01 con sinh năm 2012; khi đi mua bán, làm ăn các bị cáo đã gửi con lại cho gia đình nuôi dưỡng, sau đó mới thực hiện hành vi phạm tội. Vấn đề này, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Y và bị cáo L.

Do bị cáo Y có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật.

[5] Về tránh nhiệm dân sự:

Đối với số tiền 3.000.000 đồng của ông C, bà T5 thống nhất để bị cáo H bồi thường 1.500.000 đồng và bị cáo T bồi thường 1.500.000 đồng.

Đối với tài sản của các bị hại còn lại, các bị cáo đồng ý bồi thường ¼ giá trị tài sản theo yêu cầu của các bị hại.

Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Nên buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại cụ thể như sau:

Buộc các bị cáo liên đới bồi thường tài sản đã chiếm đoạt của các bị hại. Cụ thể: Mỗi bị cáo H, T, L và Y bồi thường cho ông T1, bà N số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho ông T2, bà N1 số tiền 3.047.500 đồng; bồi thường cho ông T3 số tiền 3.000.000 đồng và bồi thường cho ông T4, bà P số tiền 3.165.000 đồng. Mỗi bị cáo H và bị cáo T bồi thường cho ông C, bà T5 1.500.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng mỗi bị cáo H và bị cáo T phải bồi thường là: 13.712.500 đồng, bị cáo L và bị cáo Y phải bồi thường 12.212.500 đồng.

Đối trừ số tiền 20.000.000 đồng đã nộp khắc phục của anh Nguyễn Thái H1 cho trách nhiệm bồi thường của bị cáo Y thì số tiền còn lại 7.787.500 đồng được đối trừ phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo T nên bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường là 5.925.000 đồng.

Đối trừ số tiền 3.000.000 đồng đã nộp khắc phục của chị Lê Thị Diệu L1 cho trách nhiệm bồi thường của bị cáo H thì bị cáo H còn phải tiếp tục bồi thường là 10.712.500 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với tài sản của ông Trần Minh C và bà Trần Thị T5: Do đã xác định được chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 24k do chị Đỗ Thùy L2 giao nộp đã chứng minh

được là tài sản của ông C, bà T5 nên ông C, bà T5 được nhận lại 02 chỉ vàng 24k này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã được niêm phong theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2017).

Chiếc xe máy biển số 55Y7-7361 Giấy đăng ký xe mang tên Hồ Đăng S là tài sản của bị cáo Y sử dụng vào việc bán 02 chỉ vàng 24k (bị cáo Y đồng ý nộp tịch thu sung quỹ) và chiếc điện thoại hiệu TK mobile kèm theo sim số 0905.669.031 bị cáo H xác định có sử dụng trong thời gian phạm tội (từ ngày 05 đến ngày 10/8/2017) nên không trả lại theo yêu cầu của bị cáo H mà cần tịch thu sung quỹ nhà nước các tài sản này là phù hợp.

Đối với các tài sản khác mà các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện lừa đảo người bị hại nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, gồm: 05 bếp điện từ màu đen, phía trên mặt có dòng chữ KOSHUDO TECHNOLOGY OF JAPAN (kèm theo dây điện), 01 điện thoại di động, mặt lưng có dòng chữ Iphone S, kèm theo sạc, tai nghe (không khởi động được), 08 sợi dây điện màu đen dùng để ghim vào bếp từ đã thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen, bạc (đã qua sử dụng) kèm theo sim số 0972.030.738, 01 bóng đèn màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 ổ ghim điện đã thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu HUAWEL CEO 197 màu vàng nhạt (đã qua sử dụng) kèm theo sim số 0918.688.510 đã thu giữ của bị cáo L.

Đối với tài sản khác thu giữ từ bị cáo H gồm: Xe ô tô hiệu Mitsubishi, biển số 76A-060.70 do Trần Văn H đứng tên chủ sở hữu là tài sản chung của bị cáo H và chị Diệu L1 dùng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng S – chi nhánh Quảng Ngãi, bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội chị L1 không biết nên được trả lại cùng với Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Văn H và số tiền 7.156.000 đồng.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo T gồm: Giấy chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe hạng A1, Thẻ Bảo hiểm y tế tên Nguyễn Thành T, 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave "alpha" màu xanh, biển số 70L8-4581 (kèm theo Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thanh H) và số tiền 4.360.000 đồng là giấy tờ tùy thân và tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với vật chứng thu giữ của bị cáo L gồm: Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị L và 1.000.000 đồng là giấy tờ tùy thân và tài sản không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với các vật chứng là tài sản trả lại cho các bị cáo sẽ tiếp tục duy trì việc tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án; sau khi thi hành án xong, phần tài sản còn lại các bị cáo được nhận lại.

[7] Về các vấn đề khác:

Tại phiên tòa bị cáo T tự nguyện hỗ trợ cho con của bị cáo L do chị L2 đang nuôi dưỡng số tiền 3.300.000 đồng (số tiền phải bồi thường cho chị Thùy L2 không nhận) và bị cáo H đồng ý trả lại số tiền 12.000.000 đồng mà bị cáo Y đã chuyển khoản cho bị cáo. Đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên được ghi nhận.

Đối với yêu cầu của đại diện Ngân hàng S, thấy rằng: Bị cáo H cùng vợ là Lê Thị Diệu L1 thế chấp xe ô tô biển kiểm soát 76A-060.70 do H đứng tên cùng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi để vay số tiền 700.000.000 đồng. Do chiếc xe ô tô đã trả lại cho bị cáo Trần Văn H và chị Lê Thị Diệu L1 nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng về tài sản thế chấp nên không đặt ra xem xét xử lý đối với hợp đồng tín dụng ngày 06/6/2017 giữa Ngân hàng S – chi nhánh Quảng Ngãi đối với bị cáo H và chị Diệu L1. Việc thỏa thuận trả tiền vay sẽ do Ngân hàng thỏa thuận với bị cáo H và chị Diệu L1; trường hợp có phát sinh tranh chấp, Ngân hàng có quyền yêu cầu đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Đối với chị Đỗ Thùy L2, chị Lê Ngọc K và anh Dương Quang S mua tài sản do bị cáo L và bị cáo Y bán nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các điểm a, c và g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng hình sự sơ thẩm; đối với án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu tương ứng với số tiền còn phải bồi thường, cụ thể bị cáo H phải chịu: 535.625 đồng (10.712.500 đồng x5%), bị cáo T phải chịu: 300.000 đồng, bị cáo L phải chịu: 610.625 đồng (12.212.500 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo: Trần Văn H, Nguyễn Thành T, Đỗ Thị L và Nguyễn Thị Mỹ Y phạm tội "lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 18/8/2017).

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 18/8/2017).

Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 18/8/2017).

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ Y 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 22/8/2017).

2. Về dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Buộc các bị cáo liên đới bồi thường tài sản đã chiếm đoạt của các bị hại. Cụ thể: Mỗi bị cáo H, bị cáo T, bị cáo L và bị cáo Y bồi thường cho ông Lê Văn T1, bà Huỳnh Hồng N số tiền 3.000.000 đồng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn T2, bà Mai Hồng N1 số tiền 3.047.500 đồng; bồi thường cho ông Hà Văn T3 số tiền 3.000.000 đồng và bồi thường cho ông Trần Văn T4, bà Nguyễn Thị P số tiền 3.165.000 đồng. Mỗi bị cáo H và bị cáo T bồi thường cho ông Trần Minh C, bà Trần Thị T5 số tiền 1.500.000 đồng.

Tổng cộng mỗi bị cáo H và bị cáo T phải bồi thường là: 13.712.500 đồng, bị cáo L và bị cáo Y phải bồi thường 12.212.500 đồng.

Đối trừ số tiền 20.000.000 đồng đã nộp khắc phục của anh Nguyễn Thái H cho trách nhiệm bồi thường của bị cáo Y thì số tiền còn lại 7.787.500 đồng được đối trừ phần trách nhiệm bồi thường của bị cáo T nên bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường là 5.925.000 đồng (bị cáo Y đã thi hành xong phần bồi thường).

Đối trừ số tiền 3.000.000 đồng đã nộp khắc phục của chị Lê Thị Diệu L1 cho trách nhiệm bồi thường của bị cáo H thì bị cáo H còn phải tiếp tục bồi thường là 10.712.500 đồng.

Ghi nhận sự hỗ trợ của bị cáo T sự tự nguyện hỗ trợ cho con của bị cáo Loan do chị Đỗ Thùy L2 đang nuôi dưỡng số tiền 3.300.000 đồng và tự nguyện của bị cáo H trả lại cho bị cáo Y số tiền 12.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước các tài sản gồm: Chiếc xe máy biển số 55Y7-7361, (kèm theo Giấy đăng ký xe mang tên Hồ Đăng S), 01 điện thoại hiệu TK mobile kèm theo sim số 0905.669.031, 05 bếp điện từ màu đen, phía trên mặt có dòng chữ KOSHUDO TECHNOLOGY OF JAPAN (kèm theo dây điện), 01 điện thoại di động, mặt lưng có dòng chữ Iphone S, kèm theo sạc, tai nghe, 08 sợi dây điện màu đen dùng để ghim vào bếp từ; 01 điện thoại di động hiệu Mobell màu đen, bạc kèm theo sim số 0972.030.738, 01 bóng đèn màu trắng, 01 ổ ghim điện, 01 điện thoại di động hiệu HUAWEL CEO 197 màu vàng nhạt kèm theo sim số 0918.688.510.

Trả lại cho ông Trần Minh C và bà Trần Thị T5 01 chiếc nhẫn trọng lượng 02 chỉ vàng 24k.

Trả lại cho bị cáo H và chị L1 01 xe ô tô hiệu Mitsubishi, biển số 76A-060.70 do Trần Văn H đứng tên kèm theo giấy đăng ký, chìa khóa, giấy chứng nhận kiểm định và hồ sơ xe ô tô.

Trả lại cho bị cáo H: 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Văn H và số tiền 7.156.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo T: 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Thẻ Bảo hiểm y tế tên Nguyễn Thành T, 01 chiếc xe mô tô hiệu

Wave "alpha" màu xanh, biển số 70L8-4581 (kèm theo Giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thanh H) và số tiền 4.360.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo L: 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị L và số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với các vật chứng là tài sản được trả lại của từng bị cáo sẽ tiếp tục duy trì việc tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án; sau khi thi hành án xong, phần tài sản còn lại các bị cáo được nhận lại.

(số vật chứng này Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2017).

4. Về án phí:

Áp dụng 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c và g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo H phải chịu 535.625 đồng, bị cáo T phải chịu 300.000 đồng và bị cáo L phải chịu 610.625 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn